

**QUAN HỆ THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC – HOA KỲ SAU CHIẾN TRANH LẠNH  
(1989 – 2009)**

*Bùi Thị Kim Huệ  
Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

**TÓM TẮT**

*Hàn Quốc và Mỹ đã thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1948. Trong quá trình triển khai quan hệ, Hàn Quốc luôn duy trì một sự hợp tác chặt chẽ với Mỹ trên nhiều lĩnh vực. Suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh, Mỹ luôn là thị trường rộng lớn nhất của Hàn Quốc. Chiến tranh lạnh kết thúc, cấu trúc thương mại giữa hai nước thay đổi. Va chạm thương mại giữa hai quốc gia trở nên nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong một thế giới có nhiều chuyển biến, thị trường Mỹ vẫn tiếp tục dẫn đầu trong nền kinh tế toàn cầu và Hàn Quốc duy trì quan hệ kinh tế với Mỹ có ý nghĩa hết sức thiết thực. Đối với Mỹ, Hàn Quốc vẫn giữ một vị trí chiến lược ở châu Á – Thái Bình Dương. Chính vì vậy, hai nước tiếp tục duy trì một mối quan hệ chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực. Hợp tác thương mại đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Những thành tựu to lớn mà Hàn Quốc thu được trong quan hệ với Mỹ và những nhân tố đưa đến thành công là bài học vô giá đối với các quốc gia đang phát triển, đó cũng là những bài học hết sức ý nghĩa trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa Việt Nam.*

**1. Bối cảnh lịch sử**

Từ cuối thập niên 1980, tình trạng căng thẳng của Chiến tranh lạnh đã được thay bằng xu hướng hòa giải và hợp tác. Chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở các nước Đông Âu, Liên Xô (1989 - 1991) đánh dấu sự kết thúc của cục diện Chiến tranh lạnh và chấm dứt thời kỳ đối đầu căng thẳng giữa hai phe bị chi phối bởi hai cực Xô - Mỹ và mở ra một cục diện hoàn toàn mới trong quan hệ quốc tế toàn cầu.

Về kinh tế, từ thập niên 1980, do sự thay đổi của tình hình quốc tế, xu hướng chung của thế giới là tăng trưởng thấp, các nước lớn đều tăng cường chính sách bảo hộ mậu dịch. Kinh tế thế giới nhìn chung đang đối mặt với những khó khăn thách thức lớn. Nếu như tốc độ tăng trưởng nền kinh tế thế giới năm 1954 là 4,2 %, năm 1962 là 5,2 %, năm 1970 là 3,7% thì đến năm 1980 giảm còn 2,8%. Sự cạnh tranh giữa các nước để vượt qua vấn đề thất nghiệp và hậu quả của sự tăng trưởng thấp của nền kinh tế thế giới, nhiều nước đã thực hiện các biện pháp bảo hộ mậu dịch mạnh. Môi trường quốc tế cho thấy muốn đạt được tăng trưởng kinh tế cần phải có tích lũy vốn lớn và tăng cường đổi mới công nghệ [4, tr.91].

Tuy nhiên, vào cuối thập niên 1980, những thành tựu mới của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã mang lại nhiều nhân tố tích cực cho phát triển kinh tế. Do tác động của cách mạng khoa học và công nghệ mà cơ cấu kinh tế thế giới thay đổi theo hướng tập trung phát triển các ngành kỹ thuật mũi nhọn có hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao như điện tử, vi điện tử, máy tính, công nghệ sinh học... Cuộc cách mạng cũng đã tạo cơ hội cho các nước sẵn có điều kiện đẩy nhanh kinh tế phát triển. Đồng thời, nền kinh tế thế giới vận động trong mối quan hệ đan chéo, phụ thuộc và tác động lẫn nhau khiến nhiều quốc gia phải điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế cho phù hợp với xu thế mới.

Bên cạnh đó, việc các nước xã hội chủ nghĩa chuyển sang nền kinh tế thị trường đã tạo điều kiện cho việc trao đổi và hợp tác trên phạm vi toàn cầu, đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

Từ cuối những năm 1980, Hàn Quốc gặp phải những vấn đề phức tạp trên con đường phát triển như khủng hoảng mô hình tăng trưởng, phân phối thu nhập,... vì vậy nước này đã chọn giải pháp đổi mới mô hình phát triển với chiến lược gia nhập hàng ngũ các nước tư bản phát triển [2, tr.92]. Thực hiện chiến lược này, Hàn Quốc đã triển khai nhiều biện pháp tích cực trong đầu tư, hoạt động thương mại... Nhờ vậy, Hàn Quốc có thể cạnh tranh với Nhật Bản và kể cả Mỹ trong một số lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là các sản phẩm có kỹ thuật cao.

Những biến đổi của tình hình thế giới, khu vực và trong nước đã tác động không nhỏ đến quan hệ giữa hai nước Hàn Quốc và Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh.

## **2. Quan hệ thương mại Hàn Quốc – Hoa Kỳ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh**

Chiến tranh lạnh kết thúc, bối cảnh quốc tế và khu vực đã có những thay đổi cơ bản; chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, ý thức hệ không còn là yếu tố cản trở sự hợp tác giữa các quốc gia, các nước ra sức chạy đua phát triển kinh tế, tăng cường hợp tác kinh tế với nước khác. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đáng chú ý nhất là vùng Đông Bắc Á trở thành khu vực phát triển năng động nhất thế giới lại có vị trí địa - chính trị ngày càng quan trọng hơn trong tính toán chiến lược của nhiều nước lớn. Trong một bối cảnh có nhiều thay đổi, đương nhiên chính sách của Mỹ đối với khu vực vẫn theo lập trường cũ nhưng phải thay đổi cho phù hợp. Trong quan hệ buôn bán, va chạm thương mại giữa Mỹ và Hàn Quốc ngày càng tăng (yếu tố Mỹ không hề quan tâm trong những thập niên trước) làm Mỹ phải nhìn lại và xem xét những hành động hào hiệp trước đây của mình, khi mà *“chủ nghĩa cộng sản là mối đe dọa”* mà Hàn Quốc là *“lá chắn”* do Mỹ dựng lên ở châu Á không còn nguyên nghĩa của nó nữa.

Trong quan hệ buôn bán, Hàn Quốc dần dần chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu các mặt hàng điện tử và công nghiệp nặng tại Mỹ, trong khi đó nhập khẩu từ Mỹ chỉ giới hạn một số mặt hàng nông sản. Chính vì vậy, người Mỹ quả quyết rằng *“Hàn Quốc chính là Nhật Bản thứ hai”*. Họ cho rằng: *“Cũng như Nhật Bản, Hàn Quốc bắt đầu từ việc xuất khẩu hàng dệt may và quần áo rồi chuyển sang xuất khẩu thép, ô tô. Cũng như*

*hàng hóa của Nhật, hàng hóa của Hàn Quốc xâm nhập một cách mạnh mẽ vào thị trường Mỹ và điều đó sẽ tiếp tục. Cũng như Nhật Bản, Hàn Quốc bảo hộ công nghiệp nội địa bằng cách đánh thuế cao vào hàng nhập khẩu và các hàng rào mậu dịch khác. Hàn Quốc cũng đã có những hành xử thương mại không đẹp, thể hiện ở việc bán phá giá vào thị trường Mỹ cũng như xâm phạm luật sở hữu trí tuệ dù ít hơn so với Nhật và Đài Loan. Kết quả là, Hàn Quốc xuất sang Mỹ xe hơi, thiết bị điện trong khi hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ chỉ giới hạn ở một số hàng nông sản và nguyên liệu thô” [14, tr.40].*

Cũng không phải vô cớ mà người Mỹ đi đến kết luận trên. Dựa vào sự phân tích những số liệu ở bảng 2.1 chúng ta thấy người Mỹ hoàn toàn có lý. Vào năm 1990, trong tổng số các mặt hàng công nghiệp nhập vào Mỹ, sản phẩm công nghiệp chiếm 75,5 %, trong đó sản phẩm công nghiệp nặng và hóa chất chiếm đến 71,8%. Số liệu tương ứng vào các năm 1991, 1992, 1993 là 80,8% - 76,9%; 80,6% - 76,1%; 81,7% - 76,8%.

**Bảng 2.1. Nhập khẩu của Hàn Quốc vào Mỹ (1990-1993)**

Năm	Công nghiệp cơ bản	Sản phẩm công nghiệp	Công nghiệp nhẹ	Công nghiệp nặng và hóa chất							
				Dầu mỏ	Ô tô	Thiết bị điện gia dụng		Máy móc	Khác		
						Vô tuyến truyền thông	Đài bán dẫn				
1990	24,5	75,5	3,7	71,8	3,7	0,8	13,8	0,8	7,1	3,2	58,0
1991	19,2	80,8	3,9	76,9	3,0	1,2	17,2	1,4	10,3	3,2	59,6
1992	19,4	80,6	4,5	76,1	3,0	1,1	16,3	1,5	9,4	3,3	59,9
1993	18,3	81,7	4,9	76,8	3,8	1,3	16,3	2,1	8,4	3,9	60,5

*Nguồn: KNSO KOSIS Database – KITA KOTIS Database [12, tr.140]*

Tuy nhiên, lý do chủ yếu là trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, Hàn Quốc đã rất quan tâm đến mặt hàng ô tô và điện tử. Chính vì thế, các ngành công nghiệp này mặc dù đã có từ những năm đầu thập niên 1960, nhưng chỉ được chú trọng phát triển đặc biệt từ giữa những năm 1970, và phát triển mạnh trong những năm 1980, 1990. Đối với mặt hàng điện tử, Chính phủ Hàn Quốc cũng đã có những chính sách tích cực nhằm thúc đẩy sự phát triển của sản xuất và xuất khẩu. Nếu như năm 1960, Hàn Quốc mới chỉ lắp ráp được các radio bán dẫn thông thường, thì đến năm 1970, Hàn Quốc đã sản xuất được cassette và các thiết bị nghe nhìn màu. Và kể từ năm 1980 trở đi, Hàn Quốc đã sản xuất được đầu máy video, máy vi tính và một số thiết bị viễn thông cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Nhờ các chính sách khuyến khích của Chính phủ, việc sản xuất và xuất khẩu hàng điện tử đã phát triển rất nhanh. Năm 1986, máy tính cá nhân và

màn hình chiếm tỉ lệ tương ứng là  $\frac{1}{2}$  và  $\frac{1}{4}$  tổng sản lượng thiết bị ngoại vi của máy vi tính; máy điện thoại và thiết bị viễn thông chiếm tới 70 % tổng sản lượng thiết bị viễn thông. Nếu như năm 1970, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng điện tử chỉ mới đạt được 32 triệu USD, thì con số này đã tăng rất nhanh qua các năm: 1975 (170 triệu USD), 1980 (415 triệu USD), 1985 (1.062 triệu USD), năm 1990 (4.514 triệu USD). Có thể nói hàng điện tử là mặt hàng dẫn đầu trong số các mặt hàng xuất khẩu chiến lược của Hàn Quốc [1, tr.71].

Với việc sử dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tinh vi, hiện đại để sản xuất và xuất khẩu, các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao như máy tính, chip bán thành phẩm, màn hình điện tử... đã phát triển mạnh ở Hàn Quốc. Chính vì vậy, người Mỹ đã nhận định rằng, tương tự Nhật Bản, Hàn Quốc cũng bắt đầu công cuộc hiện đại hóa kỹ thuật và công nghệ từ việc nhập khẩu rồi sau đó cải tiến để áp dụng vào sản xuất và tạo ra những công nghệ mới để xuất khẩu.

Cũng những lý do trên, kể từ đầu thập niên 1990, cán cân thương mại của Hàn Quốc và Mỹ đã bắt đầu có sự chuyển dịch thực thụ. Những số liệu ở bảng 2.2 nói rõ điều này. Và Mỹ có đủ lý do để khẳng định, dù vẫn còn rất quan trọng trong các kế hoạch chiến lược của mình ở châu Á, Mỹ vẫn phải xem Hàn Quốc là một đối thủ trong cuộc chiến “*thương mại*” thời kỳ mới. Ở đó không có sự che chở, nhân nhượng và bảo bọc mà chỉ có sự công bằng của luật chơi. Bởi các lợi ích chính trị và an ninh đều xuất phát từ lợi ích kinh tế. Đó là quy luật chung mà Mỹ và Hàn Quốc cũng không phải là ngoại lệ.

**Bảng 2.2.** Cán cân thương mại Hàn Quốc (1990 - 1993)

(Đơn vị: Tỷ USD)

<b>Cán cân</b> <b>Năm</b>	<b>Tổng</b>	<b>Mỹ</b>	<b>Nhật Bản</b>	<b>Trung Quốc, Hong Kông, Đài Loan</b>	<b>ASEAN</b>	<b>EU</b>	<b>OPEC</b>
1990	-4,8	2,4	-5,9	1,3	0,1	0,9	-2,7
1991	-9,7	-0,3	-8,8	1,7	1,2	-0,2	-3,5
1992	-5,1	-0,2	-7,9	5,0	1,9	-0,6	-3,9
1993	-1,6	-1,0	-8,5	7,6	2,8	-1,2	-4,4

Nguồn: KNSO KOSIS Database – KITA KOTIS Database [12, tr.138]

Có thể nói, Hàn Quốc là một quốc gia có nền kinh tế dựa nhiều vào xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, trong đó thị trường của Mỹ luôn là thị trường quan trọng nhất mang

tính chiến lược, nên Hàn Quốc luôn xem mối quan hệ với Mỹ là nhân tố bảo đảm sự thịnh vượng của quốc gia. Về phía Mỹ, thương mại và kể cả đầu tư giữa hai bờ Thái Bình Dương ngày càng quan trọng đối với sự ổn định của nền kinh tế khu vực nói riêng và toàn cầu nói chung, nên một châu Á ổn định chính là lợi ích chiến lược mang tính sống còn của Mỹ. Thực tế này, một lần nữa lại khẳng định Chiến tranh lạnh đã kết thúc, va chạm thương mại giữa hai nước diễn ra ngày càng trầm trọng cũng không thể làm cho quan hệ Hàn - Mỹ trở nên xấu đi.

Chính quyền Mỹ đánh giá cao vị trí châu Á - Thái Bình Dương đối với việc triển khai chiến lược kinh tế phục hưng nước Mỹ. Mục tiêu kinh tế của Mỹ là *tiếp tục thúc đẩy quá trình tự do hoá thương mại và đầu tư thông qua APEC, thúc đẩy xuất khẩu sang các nước châu Á thông qua các biện pháp nhằm mở cửa thị trường và điều kiện thuận lợi cho giới kinh doanh Mỹ*. Mỹ cho rằng nhiều nước trong khu vực không công bằng trong đầu tư và thương mại, vì vậy, mục tiêu của Mỹ là đòi khu vực mở cửa thị trường tiến tới tự do hoá đầu tư và thương mại. Để đạt được mục tiêu này, trong quan hệ song phương, Mỹ đòi các nước mở cửa thị trường cho hàng hoá và cơ hội kinh doanh cho các công ty của Mỹ. Mỹ sẵn sàng đe dọa hoặc áp dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế đối với những nước mà Mỹ cho là không công bằng trong luật chơi. Tất nhiên, trong trường hợp này, Hàn Quốc cũng không thể là một ngoại lệ, dù cho điều này đã từng xảy ra với họ trước đây [5, tr.105-106].

Tuy Mỹ vẫn là đối tác kinh tế quan trọng của Hàn Quốc, nhưng trong bối cảnh và xu thế mới, mối quan hệ Hàn - Mỹ cũng không còn giống trước. Giờ đây, quan hệ buôn bán giữa hai nước trở thành quan hệ cạnh tranh, những va chạm thương mại ngày càng tăng. Bởi khi mỗi quan hệ đã được đặt trên cơ sở các nhu cầu thực sự lợi ích cho cả hai phía thì một mặt nó phản ánh cách tiếp cận đúng đắn thiết thực của cả hai bên, mặt khác những khó khăn thực sự cũng nảy sinh. Bản chất của quan hệ Hàn - Mỹ đang trên đà phát triển nhưng đã có sự thay đổi. Những năm gần đây, khi nền kinh tế Hàn Quốc đã phát triển tương đối toàn diện, Washington đã bắt đầu coi Hàn Quốc như một quốc gia phát triển. Và những ưu tiên mà Mỹ dành cho nước này trước đây cũng không còn nữa. Hàn Quốc được Tổng thống B.Clinton coi là một trong 5 đối tác thương mại lớn nhất của Mỹ, cùng với Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Canada và Trung Quốc, như một nước mà Mỹ phải quan tâm đặc biệt trong việc giám sát và tuân thủ hiệp định thương mại [1, tr.115].

Ngay sau Chiến tranh lạnh, quan hệ kinh tế Hàn - Mỹ có sự suy giảm. Tỷ phần của Mỹ trong tổng giá trị thương mại Hàn Quốc đạt 30% năm 1987 đã giảm xuống 21% vào năm 1993. Trong giai đoạn 1990 - 1992, đầu tư của Mỹ vào Hàn Quốc giảm tới 20%. Cho dù vậy, Mỹ vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc lúc bấy giờ [10, tr. 71-72].

Vào giữa thập niên 1990, thị trường xuất khẩu của Hàn Quốc đã tăng lên nhanh chóng. Vào năm 1995, Hàn Quốc đã vượt Đức và trở thành nước có thị trường xuất

khẩu lớn thứ 5 đối với Mỹ, đứng sau Canada, Nhật Bản, Mêxicô và Anh. Hàn Quốc có rất nhiều lý do để hy vọng rằng, trong một tương lai gần, họ sẽ vượt qua các nước này. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế của Hàn Quốc trong những thập niên gần đây không cho phép nước này tiếp tục trông chờ vào Mỹ bất kỳ sự “ưu tiên” nào; và từ lâu, Hàn Quốc cũng không còn là “một nền kinh tế tầm gửi” nữa, nên việc Mỹ đặt Hàn Quốc như một nước ngang hàng trong những hợp đồng thương mại như Washington đã ký với Nhật Bản là điều khó tránh khỏi.

Vào tháng 7/1996, Hàn Quốc đã lọt vào danh sách những nước được ưu tiên trong lĩnh vực viễn thông của Chính phủ Mỹ. Các quan chức thương mại Mỹ tuyên bố rằng, Chính phủ Hàn Quốc đang can thiệp vào việc mua bán các thiết bị vận chuyển cá nhân để ngăn chặn việc mua sản phẩm của Mỹ. Lời tuyên bố này bị phản đối một cách mạnh mẽ bởi các nhà cầm quyền Hàn Quốc, mặc dù họ đã thành công trong việc giải quyết một số hiệp định với Mỹ.

Trên thực tế, Hàn Quốc rất quan tâm đến việc giảm bớt căng thẳng trong quan hệ thương mại với Washington, thế nhưng xung đột thương mại vẫn tiếp tục xảy ra. Đối phó với hành động của Mỹ chống lại Hàn Quốc trong Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hàn Quốc quyết định lập hồ sơ trình lên WTO để phản đối Washington hạn chế việc hạ giá ti vi màu của Công ty điện tử Samsung (SEC). Đây là lần đầu tiên Hàn Quốc phát đơn kiện lên WTO. Trước khi hành động như vậy, Hàn Quốc đã rất kiên trì yêu cầu phía Mỹ ngừng ngay việc chống hạ giá chống lại SEC. Có lẽ, đúng như một vài nhà quan sát địa phương đã nhận xét, Washington được coi như một đối tác thương mại lớn nhất, đó là nguyên nhân va chạm thương mại thường xuyên xảy ra với Hàn Quốc [1, tr.116].

Mỹ cũng có lý do chính đáng để cho rằng Hàn Quốc không công bằng trong quan hệ thương mại, vì dù người Mỹ đã nhiều lần phản đối, các mặt hàng công nghiệp nặng, hóa chất vẫn tiếp tục giữ vị trí chủ đạo trong nhập khẩu của Hàn Quốc từ thị trường Mỹ (xem thêm bảng 2.3)

**Bảng 2.3. Nhập khẩu của Hàn Quốc vào Mỹ (1994-2002)**

Năm	Công nghiệp cơ bản	Sản phẩm công nghiệp	Công nghiệp nhẹ	Công nghiệp nặng và hóa chất							
				Dầu mỏ	Ô tô	Thiết bị điện gia dụng		Máy móc	khác		
						Vô tuyến truyền thông	Đài bán dẫn				
1994	16,6	83,4	4,6	78,8	2,4	1,4	20,8	3,4	10,8	4,1	58,0

1995	18,2	81,8	4,2	77,5	1,5	1,3	19,4	2,3	10,4	3,8	58,1
1996	19,0	81,0	4,3	76,7	1,2	1,2	21,4	3,0	11,0	3,3	55,3
1997	17,5	82,5	4,3	78,2	0,4	1,2	27,2	1,7	16,4	3,5	51,0
1998	19,8	80,2	3,3	76,9	0,2	0,9	35,4	1,7	27,5	2,8	41,5
1999	16,2	83,8	3,3	80,5	0,3	1,0	38,2	2,1	28,2	2,7	42,3
2000	12,9	87,1	3,3	83,8	0,4	1,0	38,5	1,7	24,6	3,0	45,3
2001	16,9	83,1	4,4	78,7	0,6	1,2	31,0	1,3	19,3	3,4	47,7
2002	15,6	84,3	4,7	79,6	0,4	1,3	28,0	1,3	19,7	3,2	51,0

Nguồn: KNSO KOSIS Database – KITA KOTIS Database [12, tr.140]

Sau Chiến tranh lạnh, nhất là từ thời Clinton, mục tiêu kinh tế của Mỹ là “tiếp tục thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư thông qua APEC, thúc đẩy xuất khẩu sang các nước châu Á thông qua các biện pháp nhằm mở cửa thị trường, và tạo điều kiện thuận lợi cho giới kinh doanh Mỹ” [5, tr105]. Trong đó, Mỹ đặc biệt chú trọng đến việc sử dụng các tổ chức tài chính quốc tế (WB, IMF) tác động đến đường lối kinh tế của các nước khu vực. Điển hình, năm 1997, tận dụng cơ hội khủng hoảng tài chính ở châu Á, Mỹ đã chi phối IMF kéo Hàn Quốc thoát ra khỏi “vấn nạn”. Làm như vậy, Mỹ đạt được mục đích buộc Hàn Quốc phải mở cửa thị trường tài chính, đầu tư, thương mại, đẩy nhanh cải cách kinh tế, đặc biệt là hệ thống tài chính và ngân hàng, vừa giữ được “cam kết” giúp Hàn Quốc mở cửa hơn nữa các thị trường và hòa nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu.

Chỉ sau một năm, Hàn Quốc đã ra khỏi cuộc khủng hoảng và lấy lại được tốc độ tăng trưởng ngoạn mục. Từ tốc độ tăng trưởng GDP năm 1998 là -6,7%, năm 1999 kinh tế Hàn Quốc đã nhanh chóng phục hồi, đạt tốc độ tăng trưởng 10,7% với tỷ lệ lạm phát 0,8%. Thực tế mức tăng trưởng 2 con số đã được duy trì từ giữa năm 1999. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 8,7% trong thời gian khủng hoảng xuống còn 4,1 % vào tháng 4 năm 2001. Dự trữ ngoại tệ của Hàn Quốc đã tăng từ 3,9 tỷ USD năm 1997 lên 84,6 tỷ USD vào tháng 4 năm 2000 và tính đến ngày 20/8/2003 thì dự trữ ngoại tệ của Hàn Quốc đã lên tới 137,8 tỷ USD, giữ vị trí thứ 4 trên thế giới sau Nhật Bản, Trung Quốc và Đài Loan [8, tr.161-162].

Không thể phủ nhận những thành tựu đáng khâm phục trên chủ yếu là do những nỗ lực tự thân của người Hàn Quốc, nhưng cũng phải thừa nhận rằng nếu thiếu sự hậu thuẫn đặc lực của Mỹ thì Hàn Quốc khó có thể ra khỏi khủng hoảng và phục hồi một cách nhanh chóng. Rõ ràng, Mỹ đã giữ vị trí quan trọng trong việc kéo Hàn Quốc ra khỏi khủng hoảng thông qua IMF - tổ chức chịu sự chi phối mạnh mẽ của Mỹ.

Quan hệ kinh tế Hàn - Mỹ cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI, bắt đầu gặp

nhiều sóng gió do tình hình bất ổn trên bán đảo Triều Tiên cộng với những xung đột thương mại ngày càng tăng giữa hai nước. Trong quá khứ, Hàn Quốc thường ở vào thế “chẳng thể khác”, giờ đây họ là một đối tác quan hệ tuy không ngang ngửa với Mỹ nhưng tiếng nói có trọng lượng hơn nhiều. Và họ cũng sẵn sàng sử dụng bất kỳ biện pháp nào có thể để buộc Mỹ phải điều chỉnh quan hệ theo hướng bình đẳng và có lợi cho Hàn Quốc. Đơn cử, để thúc đẩy Quốc hội Mỹ thông qua FTA, Hàn Quốc đã tạm ngừng nhập thịt bò Mỹ do lo ngại về bệnh bò điên. Thật ra lo ngại về bệnh bò điên chỉ là một lý do, lý do chủ yếu là Hàn quốc muốn thông qua vụ việc này để tỏ rõ thái độ với Mỹ trong việc thông qua FTA với hy vọng mở cửa hơn nữa thị trường nội địa nhằm nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

Tuy quan hệ thương mại giữa hai nước có thay đổi nhưng không phải hoàn toàn mang màu sắc âm ảm. Bảng 2.4 cho thấy cho thấy Mỹ vẫn là một trong ba nước có nguồn hàng hóa nhập khẩu vào Hàn Quốc lớn nhất cùng với Nhật Bản và Trung Quốc.

**Bảng 2.4.** Các đối tác thương mại lớn của Hàn Quốc, 1995 – 2005

Đơn vị: %

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Xuất khẩu vào											
Mỹ	19,3	16,7	15,9	17,3	20,6	21,9	20,8	20,2	17,7	16,9	14,5
Nhật Bản	13,6	12,1	10,9	9,3	11,1	11,9	11	9,3	8,9	8,5	8,4
Trung Quốc	7,3	8,8	10	9	9,6	10,7	12,1	14,7	18,1	19,6	21,8
Trung Quốc và Hồng Kông	15,9	17,3	18,6	16,1	15,9	17	18,4	20,9	25,7	26,7	27,2
Nhập khẩu từ											
Mỹ	22,5	22,2	20,8	21,9	20,8	18,3	15,9	15,1	13,9	12,8	11,7
Nhật Bản	24,2	21	19,2	18	20,1	19,9	18,9	19,6	20,3	20,6	18,5
Trung Quốc	5,5	5,7	7	6,9	7,4	8	9,4	11,4	12,3	13,2	14,8
Trung Quốc và Hồng Kông	6,1	6,5	7,6	7,5	8,1	8,8	10,3	12,6	13,8	14,6	15,6



*Nguồn: Prospective Free Trade Agreement with Korea, [www.cfbf.com](http://www.cfbf.com) [16, tr.6]*

Cùng với Hiệp định Thương mại Tự do Mỹ, Hàn (KORUS FTA - 2007), quan hệ giữa hai nước bước sang một giai đoạn mới khi Lee Myung-bak đắc cử vào tháng 12/2007. Quan niệm của Tổng thống Lee về hợp tác an ninh, hiệp định thương mại song phương và chính sách đối với Triều Tiên rất tương đồng với Mỹ. Ngay sau khi nhậm chức, ông đã yêu cầu ngừng các nhượng bộ lớn về kinh tế đối với Bình Nhưỡng cho tới khi nước này từ bỏ các chương trình hạt nhân và hoạch định một vai trò toàn cầu tham vọng hơn cho Hàn Quốc. Những vấn đề lớn là Bắc Triều Tiên, Afghanistan, hồ sơ cấm vận thịt bò Mỹ tại Hàn Quốc là những vấn đề đòi hỏi tài ngoại giao của vị tân tổng thống Hàn Quốc nhằm đi đến một thỏa thuận theo như tuyên bố của ông là sẽ thi hành một chính sách ngoại giao kiểu thực dụng.

Song, đến thời điểm này, vấn đề nan giải nhất - vấn đề Triều Tiên dường như ngày càng rối rắm hơn đang tác động và chi phối khá mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế giữa hai nước.

### **3. Vài lời kết**

3.1. Quan hệ Hàn - Mỹ đã tạo nên lực đẩy phát triển cho nền kinh tế Hàn Quốc trong suốt nhiều thập niên, kể từ khi Đại Hàn Dân Quốc chính thức thành lập năm 1948 đến nay. Dưới thời Syngman Rhee, với những khoản viện trợ to lớn của mình, Mỹ đã kéo Hàn Quốc thoát ra khỏi đồng đồ nát sau chiến tranh nhằm phục vụ cho những ý đồ chiến lược của Mỹ tại Đông Bắc Á. Trong những năm tiến hành công nghiệp hóa phát triển kinh tế - xã hội, Hàn Quốc nhận được nhiều sự giúp đỡ và được hưởng một thị trường mở rộng của Mỹ. Từ thập niên 1980, những xung đột thương mại xuất hiện và ngày càng trở nên căng thẳng hơn. Nguyên nhân là khi mối quan hệ đã được đặt trên cơ sở các nhu cầu thực sự lợi ích cho cả hai phía, một mặt nó phản ánh cách tiếp cận đúng đắn thiết thực của cả hai bên, song mặt khác những khó khăn thực sự cũng nảy sinh. Tuy nhiên, cả hai nước đều có nhiều nỗ lực để giải quyết xung đột nhằm gạt bỏ những trở ngại trên con đường phát triển quan hệ trong tương lai. Rõ ràng do tầm vóc, vị trí của hai đối tác trong mối quan hệ song phương, sự nhượng bộ của Hàn Quốc đối với Mỹ trong những trường hợp cần thiết là điều Chính phủ Hàn Quốc phải cân nhắc. Chiến tranh lạnh kết thúc, khả năng tăng cường hợp tác kinh tế, cùng tồn tại hòa bình giữa những nước có chế độ chính trị khác nhau ngày càng phát triển. Thế nhưng, đối với Hàn Quốc, dù đã thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế, mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới, Mỹ vẫn là đối tác chiến lược rất quan trọng của họ. Điều này cũng dễ hiểu vì cho dù chất kết dính của liên minh Hàn - Mỹ không còn “đậm đặc” như những thập niên trước đây nhưng những thách thức mới trên bán đảo lại tiếp tục nảy sinh, nhất là thách thức an ninh từ CHDCND Triều Tiên và sự tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc khác tại khu vực... đang tiềm ẩn những nguy cơ khó lường đối với quyền lợi của Hàn Quốc và Mỹ buộc cả hai phải chú ý nhiều hơn đến những vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị và kể cả kinh tế của mình tại khu vực. Nhiều bất

đồng đã phát sinh trong quá trình triển khai quan hệ kinh tế Hàn - Mỹ thời kỳ sau Chiến tranh lạnh. Song duy trì tình bạn bấy lâu trong bối cảnh đầy biến động như hiện nay vẫn là điều cần thiết đối với cả Hàn Quốc lẫn Mỹ.

3.2. Nhìn lại lịch sử quan hệ thương mại Hàn - Mỹ kể từ thời điểm 1948 có thể khẳng định, đầu có những thăng trầm nhất định nhưng quan hệ thương mại Hàn - Mỹ đã phát triển nhanh chóng, toàn diện và sâu sắc có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của kinh tế Hàn Quốc. Ở vị trí của Hàn Quốc trong thời gian xác định từ 1948 đến nay, thực sự họ đã làm được một việc không dễ dàng đây là tranh thủ Mỹ - một nước có lịch sử đối ngoại cực kỳ linh hoạt, nhạy bén và cũng rất thực dụng. Chiến tranh lạnh kết thúc, Hàn Quốc tiếp tục khai thác tối đa thị trường rộng lớn của Mỹ. Dù cho nhiều vấn đề trong quan hệ thương mại giữa hai nước đã nảy sinh, Mỹ vẫn là một đối tác chiến lược quan trọng và không thể thiếu của Hàn Quốc.

3.3. Hiện nay, Việt Nam đang triển khai chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với các nước lớn trong khu vực và trên thế giới, trong đó có Hoa Kỳ. Vì vậy, việc tìm hiểu quan hệ Hàn - Mỹ nói chung và quan hệ thương mại Hàn - Mỹ nói riêng là một việc làm hết sức cần thiết. Dĩ nhiên, Việt Nam không thể áp dụng nguyên xi các nội dung và bước đi cũng như các biện pháp đã thực hiện ở Hàn Quốc bởi vì bối cảnh quốc tế và đặc điểm dân tộc giữa hai nước có những khác biệt. Nhưng việc tham khảo, học hỏi những kinh nghiệm lịch sử về chiến lược công nghiệp hóa và đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển hoạt động dịch vụ cũng như chính sách đối ngoại, đặc biệt là quan hệ với Mỹ của Hàn Quốc, từ đó phân tích, rút ra những điều phù hợp để vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta không phải không còn có giá trị.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Xuân Bình, Phạm Quý Long. *Hàn Quốc trên đường phát triển*, NXB Thống kê, Hà Nội, (2002).
2. Vũ Đăng Hình. *Hàn Quốc: nền công nghiệp trẻ trở dậy*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, (1996).
3. Vũ Đăng Hình. *Quan hệ Mỹ - Hàn từ những năm 1950 đến những năm 1970*, Châu Mỹ ngày nay (6),(1997), 7-17.
4. Nguyễn Quang Hồng. *Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Hàn Quốc trong giai đoạn 1960-1995: Kinh nghiệm và khả năng vận dụng vào Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Hà Nội, (2002).
5. Vũ Dương Huân (chủ biên). *Quan hệ của Mỹ với các nước lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, (2003).

6. Bùi Thị Kim Huệ. *Tổng quan quan hệ Hàn – Mỹ*. Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 6 (76), (2007).
7. Hoa Hữu Lân. *Hàn Quốc câu chuyện kinh tế về một con rồng*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, (2002).
8. Trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc. *Niên giám nghiên cứu Hàn Quốc 2004*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, (2005).
9. *Việt Nam trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, (2005).
10. Fred Bergsten, Il Sakong Editors. *Korea - United states Cooperation in the New world order*, Institute for Global Economics, Seoul, Korea, (1996).
11. Honggue Lee. *Challenges and Responses in New Trading Environment: A Korea Perspective*, Korea Development institute, Seoul, Korea, (1996).
12. Kim Hong Youl. *Korea - US. Trade Structure since the 1990s*. *Korea Focus*, (2003), 134-141.
13. Yer – Bok Lee – Wayne Patterson. *Korean-American Relations 1866 - 1997*, State University of New York, (1999).
14. Young Kyu Park. *ROK-U.S Trade Frictions*, *Korea and World Affairs*, (1988), 29 - 43.
15. *Foreign Economic Relations*, 1-5, <http://en.wikipedia.org>
16. *Prospective Free Trade Agreement with Korea*, 1-53, [www.cfbf.com](http://www.cfbf.com)

## **SOUTH KOREA – U.S. TRADE RELATIONS IN THE POST – COLD WAR (1989 – 2009)**

*Bui Thi Kim Hue  
College of Sciences, Hue University*

### **SUMMARY**

*South Korea and The United States established diplomatic relations in 1948. In the process of developing their relation, South Korea maintained its close “blood alliance” with the United States in many fields. During the Cold War period, the U.S. was always Korea’s largest market. The trade between the two countries expanded at such a rapid pace. When the Cold War ended, the structure of South Korea – U.S. trade actually changed. Trading has become a source of frictions between these two countries. However, in the context of the changing world, the United States market has continued to be the leader of the global economy, and maintaining an economic partnership with the United States is of vital importance to South Korea. For the United States, Korea remains a strategically important area in its overall military posture in*

*Asia and the Pacific. Because of that, the two countries have maintained a close relationship in many fields. South Korea - U.S. trade relations have been very successful. The great achievement that Korean has gained in its relation with The United States and the factors that lead to its success are indeed valuable lessons for the developing countries; these lessons are also significant in the process of the modernization and industrization of Vietnam.*